

# BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Phất?

Sắc bất dị không, không bất dị sắc  
Sắc tức thị không, không tức thị sắc  
thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Phất! Thị chư pháp không tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung,

Vô Sắc Vô Thọ Tưởng hành thức,  
Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý  
Vô sắc thanh hương vị xúc pháp  
Vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới  
Vô vô-minh diệc vô vô-minh tận nãi chí  
Vô lão tử diệc vô lão-tử tận  
Vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệc vô đắc

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn -

Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La - Tam Miệu - Tam Bồ Đề - Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa,

Thị đại thần chú,  
Thị đại minh chú,  
Thị vô thượng chú,  
Thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chân thiệt bất hư.

Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế Yết đế  
Ba la yết đế  
Ba la tăng yết đế  
Bồ đề ta ba ha.

# BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Bồ Tát Quán Tự Tại đi sâu vào Tuệ Giác Bồ Đề Bên Kia thì thấy năm uẩn đều không, nhờ đó mà giải được mọi điều đau khổ.

Này ông Xá Lợi Phất?

Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc  
Sắc tức là không, không tức là sắc  
Thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy.

Này ông Xá Lợi Phất! Cái tướng không này của các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm.

Vì lý do đó cho nên trong cái không,

Không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức  
Không có nhân, nhĩ tử, thiệt, thân, ý  
Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp  
Không có nhân giới cho đến không có ý thức giới  
Không có vô minh cũng không có hết vô minh cho đến  
Không có lão tử cũng không có hết lão tử  
Không có khổ, tập, diệt, đạo  
Không có trí cũng không đắc

Bởi vậy cho nên với tâm vô sở đắc, các vị Bồ Tát (sống) nương tựa vào Tuệ Giác Bồ Đề Bên Kia, nên tâm không có gì lo âu nghi ngờ, không còn lo âu nghi ngờ, nên không còn khiếp sợ nữa, xa rời những ý tưởng mộng mơ, đúng sai, (đề) sau cùng tới nơi thanh tịnh tuyệt đối.

Các Đức Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai nương tựa vào Tuệ Giác Bồ Đề Bên Kia nên chứng đắc Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Cho nên mới biết rằng Tuệ Giác Bồ Đề Bên Kia

Là một phép lạ rất thần kỳ  
Là một phép lạ rất sáng suốt  
Là một phép lạ không có gì cao hơn  
Là một phép lạ được xếp vào hạng 'không có hạng' có khả năng tiêu trừ mọi đau khổ, chân thật không thể nghi ngờ hư dối.

Bởi vậy cho nên Phật mới nói ngắn gọn phép lạ của Tuệ Giác Bồ Đề Bên Kia vào một câu chú viết như sau:

‘Vượt qua đi - Vượt qua đi  
‘Cố gắng sức vượt qua đi  
‘Tất cả gắng vượt qua đi  
‘Mừng cùng đến bờ Tuệ Giác.’

Nguyễn Phương dịch  
19-9-1994

# The Prajna Paramita Heart Sutra

When the Bodhisattva Avalokitesvara was coursing in the Deep Prajna Paramita, He Perceived that All Five Skandhas Are Empty. Thus He Overcame All Ills and Suffering.

Oh, Sariputra, Form does Not Differ From the Void, and the Void does Not Differ From Form.

Form is Void and Void is Form;  
The Same is true For Feelings,  
Perceptions, Volitions and Consciousness.

Sariputra, the Characteristics of the Voidness of All Dharmas Are Non-Arising, Non-ceasing, Non-Defiled, Non-pure, Non-increasing, Non-decreasing.

Therefore, in the Void There Are No forms, No Feelings, Perceptions, Volitions or Consciousness.

No Eye, Ear, Nose, Tongue, Body or Mind;  
No Form, Sound, Smell, Taste, Touch or Mind Object;  
No Realm of the Eye, Until ~ve Come to No Realm of Consciousness.  
No Ignorance and Also No Ending of ignorance,  
Until We Come to No Old Age and Death and  
No Ending of Old Age and Death.

Also, There is No Truth of Suffering,  
of the Cause of Suffering,  
of the Cessation of Suffering, Nor of the Path.

There is No Wisdom, and There is No Attainment Whatsoever.  
Because There is Nothing To Be Attained,  
The Bodhisattva Relying On Prajna Paramita Has  
No Obstruction in His Mind  
Because There is No Obstruction, He Has No Fear,  
And He Passes Far Beyond Confused Imagination,  
And Reaches Ultimate Nirvana.

The Buddhas of the Past, Present and Future,  
By Relying on Prajna Paramita,  
Have Attained Supreme Enlightenment.

Therefore, the Prajna Paramita is the Great Magic Spell,  
The Spell of Illumination, the Supreme Spell,  
Which Can Truly Protect One From All Suffering Without Fail.

Therefore He Uttered the Spell of prajnaparamita,  
Saying Gate, Gate, Paragate, Parasamgate, Bodhi Svaha.

# TÔI TÌM HIỂU BÀI TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Bài tâm kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa là một con voi - Mỗi người tìm hiểu bài tâm kinh này là một "người mù sờ voi", cho nên mỗi người mỗi ý, đó là tùy theo chỗ "sờ phải" mà tỏ ý riêng của mình. Tôi cũng chỉ xin làm một "người mù sờ voi" và tôi xin biểu lộ "chỗ sờ phải" của tôi mà thôi. Nếu có ai đọc qua những nhận định của tôi thì cũng xin mỉm cười là đủ rồi, vì tôi luôn luôn nghĩ rằng: tôi không là gì cả, trong quá khứ, trong hiện tại và trong vị lai.

\*  
\* \*

Tôi không biết xuất xứ của bài này ở đâu cả, chỉ biết bài này đã in sẵn trong các cuốn kinh nhật tụng, hồi tôi mới bắt đầu tập tụng kinh. Qua gần mấy chục năm nay, tôi đã thuộc lòng bài này, đọc mỗi ngày mỗi nhanh, nhanh không thua gì các vị tu sĩ hay cư sĩ mà tôi thường tụng với họ. Nhưng nói tìm hiểu bài này thì thú thật, tôi chỉ mới bắt đầu độ năm mươi năm. Tôi tìm hiểu bài này qua những khóa giảng ở chùa, hoặc tôi đọc những bài giảng của các vị tiền bối, các vị tu sĩ hay cư sĩ. Nhờ đó tôi cũng có một vài ý niệm về sắc sắc không không một cách mù mờ mà thôi, thú thật tôi vẫn còn thấy chưa vừa ý với những lối giảng giải quá cao xa với trí óc tầm thường của tôi. Vẫn luôn luôn không đồng ý với lối giảng giải có điển khó hiểu và không thể áp dụng vào cuộc sống bình thường - nên tôi phải tự tìm hiểu lấy ý nghĩa thực sự của bài tâm kinh này. Vì sao gọi là Tâm Kinh? Kinh là một phần trong tam tạng, gồm có Kinh, Luật và Luận. Kinh là chép lại những điều mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết giảng sau khi Ngài giác ngộ, Luật là những điều luật mà các vị đệ tử của đức Phật phải tuân theo hằng ngày, và Luận là những bộ sách sau này các vị đệ tử của đức Phật giải thích cho rõ ràng thêm, để hiểu thêm những lời Phật dạy. Tâm nghĩa nôm na là lòng - Tâm kinh được dùng với ý nghĩa là bài kinh này cần tụng đọc cho thuộc lòng, cho nhập tâm. Tâm Kinh = Kinh cốt lõi của một đại tạng kinh. Thuộc lòng thì tôi chắc ai cũng có thể thuộc lòng, còn nhập tâm thì tôi chắc mỗi người một mức độ hiểu biết về ý nghĩa của bài kinh này. Tôi hiểu bài này như sau:

\*  
\* \*

Trước tiên là những danh từ: Bát Nhã và Ba La Mật Đa. Bát Nhã là phiên âm Hán Việt của từ ngữ: Pragna (Phạn ngữ). Pragna có nghĩa: Trí Tuệ. Ba La Mật Đa là phiên âm Hán Việt của từ ngữ: Paramitta (Phạn ngữ). Paramitta có nghĩa: bờ bên kia, hay bên kia bờ. Bát Nhã Ba La Mật Đa tức là Pragna Paramitta có nghĩa là Trí Tuệ bờ bên kia. Đứng ra phải dịch là Trí Tuệ đáo bỉ ngạn nghĩa là trí tuệ đã đến bờ bên kia - Thông thường trong Phật Pháp, bờ bên kia tức là bờ giác hay là bờ giác ngộ. Dĩ nhiên ngược lại bờ bên này là bờ mê, những ai còn ở bờ bên này là còn mê muội. Như vậy Bài

Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa là bài kinh nói về Trí Tuệ của những người giác ngộ. Và danh từ "Giác Ngộ":

Giác, chữ Việt Nho viết 覺

Ngộ, chữ Việt Nho viết 悟

Giác 覺 gồm hai chữ: Học 學 và chữ kiến 見

Học 學 là hình ảnh của một người con trai (子 tử) đội trên đầu một mâm quả phẩm để đến xin thầy giáo nhận làm học trò. Kiến 見 là kiến thức, sự hiểu biết. Vậy Giác 覺 có nghĩa sự hiểu biết có được nhờ sự học hành với thầy, phải có sự học hỏi, học tập và học hành mới gọi là giác.

Ngộ 悟 gồm có bộ Tâm 心 hay 忄 và chữ Ngộ 吾 là tôi. Nghĩa là Tôi lấy tâm tôi để thấy rõ tôi.

Vậy Giác Ngộ có nghĩa là nhờ học hỏi, học tập, học hành có thầy dẫn dắt mà tôi đã lấy tâm tôi để thấy rõ tôi.

Tóm lại: Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh là bài kinh cần học thuộc lòng và nhập tâm vì nói về trí tuệ của những người giác ngộ. Đó là ý nghĩa của tên bài kinh.

\*  
\* \*

Bài kinh này bắt đầu bằng một hồng danh Bồ Tát tức là Quán Tự Tại Bồ Tát hay có người tụng là Bồ Tát Quán Tự Tại. Điều quan trọng là chúng ta phải hiểu thấu đáo ý nghĩa của hồng danh này.

Trước tiên là Bồ Tát. Những đệ tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đều gọi là Tỳ Kheo hay Sa-môn - Nhưng có trình độ phật pháp, trình độ tu hành khác nhau, có cao có thấp đi từ cấp Thanh Văn - Duyên Giác - A La Hán và Bồ Tát.

Bồ Tát là những vị A La Hán, đã đạt trình độ giác ngộ cao và nhận lãnh một chức năng phục vụ giáo hóa chúng sanh. Mỗi vị một chức năng chuyên môn khác nhau tùy theo hạnh nguyện của vị Bồ Tát. Do đó chúng ta có nhiều vị Bồ Tát như Quán Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát v.v. và v.v. Chúng ta có cả một "Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát" - một biển cả Bồ Tát thanh tịnh.

Vậy Bồ Tát Quán Tự Tại có chức năng gì?

- **Quán**, chữ Việt Nho viết 觀, cũng đọc là quan. Khi đọc là quan, có nghĩa là nhìn kỹ bên ngoài, như quan sát tham quan, bi quan, lạc quan, khách quan, chủ quan. Còn khi đọc là quán (có dấu sắc) có nghĩa là nhìn kỹ bên trong nội tâm. Như thiền quán, từ bi quán, quán thế âm, quán tự tại, quán thân bất tịnh, quán vô thường.
- **Tự**, chữ Nho viết 自, có nghĩa chính mình, chính mình là chủ động hay chính mình là đối tượng của hành động. Như tự động, tự chủ, tự do, tự giải thoát, tự tử, tự sát, tự phê, tự kiểm, tự mình mình làm, tự mình mình chịu.
- **Tại**, chữ Nho viết 在, là chỗ nào đó, thí dụ một điểm nào đó trong không gian, trên mặt đất, trên biển. Về thời gian thì chữ tại có nghĩa hiện tại, một điểm của thời gian.

Quán Tự Tại có nghĩa nhìn kỹ vào trong tâm mình để thấy rõ hiện tại của mình.

Bồ Tát Quán Tự Tại có chức năng chỉ dạy chúng sinh phương pháp nhìn kỹ vào trong tâm mình để thấy rõ hiện tại của chính mình.

Bồ Tát Quán Tự Tại định chỉ dạy chúng ta điều gì đây?

▪ Đoạn mở đầu của bài kinh như sau:

**"Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách."** Tôi hiểu như sau:

Bồ Tát Quán Tự Tại đi sâu vào **trí tuệ giác ngộ** thời soi thấy năm "uẩn" đều không, nhờ đó mà giải được mọi điều khổ ách.

Tôi dịch hai chữ hành thâm, là "đi sâu vào". Vì Bồ Tát Quán Tự Tại muốn nhìn kỹ vào tâm mình để thấy rõ hiện tại của chính mình, tức phải dùng trí tuệ hay nói theo Phật pháp dùng tuệ nhãn, con mắt trí tuệ, là ngọn đèn soi vào tâm mình, càng đi sâu vào, cũng thấy rõ hơn. Với tuệ nhãn, Bồ Tát đã thấy rõ tức là đã phát hiện ra là năm uẩn đều không, nhờ đó mà giải được mọi điều khổ ách, cho mình và cho mọi người.

Năm uẩn là gì? Vì sao đều không? Vì sao nhờ đó mà giải được mọi sự khổ ách?

\*  
\* \*

### **Ngũ Uẩn hay Năm Uẩn là gì?**

Theo Phật pháp thì ngũ uẩn hay năm uẩn gồm có Sắc uẩn, Thọ uẩn, Thức uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn hay nói ngắn gọn là Sắc, Thọ, Thức, Tưởng và Hành. Năm uẩn này do duyên khởi nhân quả mà phối hợp thành thân mạng chúng sanh. Vậy thân ta cũng như mọi người là thân ngũ uẩn, thân năm uẩn, tức là thân ta gồm có năm phần: sắc, thọ, thức, tưởng và hành.

**Sắc** là phần thể chất gồm tất cả các bộ phận cơ quan của thân thể ta, người ta gọi là thân tứ đại (bốn đại) - bốn đại là Đất - Nước - Gió - Lửa (Thổ, Thủy, Phong, Hỏa).

**Thọ** là tất cả những gì cơ thể ta tiếp nhận từ bên ngoài vào qua những cơ quan tiếp xúc với bên ngoài. Thọ gồm có những món cụ thể như thức ăn uống, vật chất, mùi vị, âm thanh, hương vị, cảm giác, cảm xúc, và những món tinh thần như ngôn ngữ, văn chương, tư tưởng v. v.

**Thức** là những tri thức, những cái biết do các giác quan cơ quan tiếp xúc với bên ngoài: màu sắc, hình dáng, âm thanh, hương vị, dần dần tạo những dấu ấn vào tâm thức qua ngôn ngữ, âm thanh, danh từ (phối hợp của Sắc và Thọ).

**Tưởng** là những ý nghĩ, những suy tư, những tư duy, những tư tưởng thành tựu được qua ba uẩn trước (Sắc Thọ Thức) phối hợp lại. Tưởng là nền tảng của những xúc động những phản ứng tâm hồn đối với mỗi tư duy, mỗi ý nghĩ.

**Hành** là những sinh hoạt, hoạt động, hành động bên trong cơ thể ta, hay được diễn tả qua bằng thái độ bên ngoài, diễn tả bằng cử động, cử chỉ bên ngoài, để thể hiện những phản ứng của bốn uẩn trước (Sắc Thọ Thức Tưởng) phối hợp lại.

Tóm lại, năm uẩn: sắc, thọ, thức, tưởng, hành, phối hợp với nhau tạo ra sự sinh hoạt của chính năm uẩn, của chính thân ta, của sự sống của chính ta. Nhưng uẩn nghĩa là gì?

Uẩn, chữ Việt Nho viết 藏, thường đi đôi với chữ tàng 藏, uẩn tàng có nghĩa là che dấu: thu dấu, cất dấu, không cho ai thấy, không cho ai biết. Cũng như trong từ ngữ: uẩn khúc, có nghĩa kín đáo che dấu, không biểu lộ cho người khác biết, tỷ như nói: người ấy có điều gì uẩn khúc; hay nói trong vũ trụ còn uẩn tàng những gì thật huyền bí. Vậy thì năm uẩn, Sắc - Thọ - Thức - Tưởng - Hành, là năm thứ che dấu, không cho biết cái gì? Cái mà ai cũng muốn biết, cái "sự thực ta là gì", cái "bản ngã là gì", cái "bản thể là gì". Có người cho rằng sự thực là sắc thân tôi đây này, tôi đang sinh hoạt đây này, tôi đang suy nghĩ đang nói năng, tôi đang sống với tất cả tâm hồn và thể chất của tôi đây, tôi là tôi đây còn tìm cái gì nữa. Bây giờ hãy nhìn lại năm thứ Sắc - Thọ - Thức - Tưởng - Hành có phải là những thức thực sự là mình không? Nếu không, thì chúng đã che dấu sự thực "bản lai diện mục", nên chúng được gọi là uẩn.

Hãy bắt đầu bằng SẮC: Chúng ta cứ tưởng sắc thân, thể chất này là thực sự là ta. Nhưng thử hỏi lúc mình mới sinh ra, oa oa chào đời là một đứa hài nhi yếu đuối rồi một vài năm sau, cơ thể phát triển, mình trở thành một em bé kháu khỉnh dễ thương, rồi năm tháng trôi qua, mình thành một thiếu niên, rồi thanh niên tuấn tú, rồi tráng niên hùng dũng, rồi trung niên chững chạc, rồi một cao niên đáng kính, rồi một cụ già bệnh hoạn cô đơn. Vậy ta thử hỏi sắc thân nào là Ta, sắc thân lúc mới ra đời hay sắc thân lúc tráng niên, hay sắc thân của cụ già. Làm sao ta dứt khoát là cái nào là ta, vì sắc thân nó cứ chuyển hóa mãi từng phút, từng giờ, từng ngày, từng tháng, từng năm, biết Ta là lúc nào đâu, có thể nói không thể căn cứ SẮC mà nhận ra được Ta là gì. Sắc thân này che dấu sự thật - Nó là một uẩn.

Qua phần THỌ vậy. Vì sắc thân tồn tại và phát triển chuyển hóa là nhờ Thọ, nhờ sắc thân tiếp nhận những thứ cần thiết cho thể chất và cho tinh thần, cho sự sống. Từ khi lọt lòng mẹ, ta được cho bú mớm sữa mẹ hoặc sữa bột, sữa bò v. v. , rồi lớn dần chúng ta ăn uống đủ thứ nào gạo, nào cơm, nào rau, nào thịt, nào cá, nào tôm - Những lương thực thực phẩm đã đóng góp phần thể chất của ta, những điều hiểu biết, những cảm thụ tâm hồn, có phải là Ta đó không, từ "Thọ" nào trong hai thứ, vật chất và tinh thần, là thực sự là ta, hay cả hai thứ đều là Ta, nếu một hay cả hai là ta, thì thứ gì trong vật chất là ta, thứ gì trong loại tinh thần là ta. Không thể biết được - Như vậy ta cũng không thể căn cứ Thọ để tìm ra thực sự ta là gì?

Nay tới phần THỨC: Sắc thân nhờ Thọ uẩn mà xây dựng được những hiểu biết, những hiểu biết gọi là Thức, còn gọi là tri thức - Sự tiếp xúc của sắc thân với các pháp bên ngoài, qua các cơ quan của cơ thể gọi là giác quan, tạo nên tri thức - bằng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Có thể nói Thức mới thật là Ta chẳng. Thức, chữ Việt Nho viết 識 chữ này gồm có ba chữ ghép lại một là chữ ngôn 言, ngôn là nói, hay lời nói, còn gọi là ngôn ngữ, tiếng nói của con người; hai là âm 音, tức là âm thanh, tiếng kêu của vạn vật, và ba là ngã 我, ngã là ta, nhưng khi ghép vào, để cho đơn giản, người xưa bỏ bớt một phần chỉ giữ lấy một phần 𠂔 chữ này đọc là qua - qua cũng có nghĩa Ta, hay Tôi, như người miền Nam lục tỉnh ở Việt Nam thường có câu: Hôm qua nói qua mà qua hồng qua. Vậy chữ Thức có nghĩa là hiểu biết do ngôn ngữ, âm thanh, tiếng động bên ngoài vào trong sắc thân ta, tạo cho ta những hiểu biết vậy. Còn chữ Tri cũng là biết, chữ Việt Nho viết 知, chữ này gồm có hai chữ: một là Thi 矢, nghĩa: mũi tên, và chữ khẩu 口, nghĩa: cái miệng, nhưng có lẽ đây là do chữ phẩm 𠂔 mà còn lại chữ khẩu - Vì sao? Ta tưởng tượng từ con mắt ta phóng một tia mắt nhìn tới một đồ vật, hoặc từ đồ vật có một tia sáng phóng vào mắt ta, thì khi đó có một sự thấy, sự thấy đó đưa tới cái biết. Chữ Tri 知 có ý nghĩa trên nên gồm có thi 矢 mũi tên, và phẩm 𠂔 (đơn giản còn lại chữ khẩu 口), mũi tên tức là tia nhìn từ mắt, hay tia sáng từ đồ vật. Cái biết này có từ con mắt, (tri) khác với cái biết có từ lỗ tai (thức). Nếu ta

cho tất cả sự hiểu biết của ta là ta thật, thì thử nghĩ những sự hiểu biết của ta nó thay đổi từ nhỏ đến lớn, thay đổi theo sự giáo dục, thay đổi theo hoàn cảnh, và thay đổi theo thời gian, có cái biết mỗi ngày mỗi phát triển, có cái biết mỗi ngày mỗi mất đi, không có cái biết nào "thật sự" tồn tại mãi, cho nên ta cũng không thể tìm thấy sự thật Ta là gì ở Tri Thức được. Vậy Thức là một uẩn, một thứ che dấu sự thật.

Tiếp theo là TƯỚNG: Tướng là thành tựu của Sắc, Thọ và Thức kết hợp lại. Tướng là tướng của tâm hình thành được nhờ Thức. *Thí dụ:* Ta biết cam là đồ trái ăn được, nên khi thấy cam, ta có ý nghĩ muốn ăn, muốn ăn thì phải mua về hoặc phải xin ai, hoặc lấy ở đâu, đó là Tướng. Tướng, chữ Việt Nho viết 想. Chữ này gồm có hai chữ, một là Tướng 相 và một là Tâm 心 như vậy rõ ràng Tướng là tướng của Tâm - Người xưa đặt ra chữ này thật quá cao siêu. Descartes (1596 – 1650), một triết học gia của Pháp thế kỷ thứ 18, đã có câu: "Tôi Tư duy vậy thì Tôi hiện hữu (Je pense donc je suis) - Ý cho rằng tôi có suy nghĩ, có tư tưởng, có cảm tình, có hi - vọng - ái - ó - ái - cụ - dục (thất tình) vậy thì tôi hiện hữu, có nghĩa là tôi có là nhờ có tư tưởng - Nếu nghĩ như Descartes thì cần gì phải tới Tướng mới có tôi, mà có thể tuyên bố có tôi ở giai đoạn Thức rồi, hay ở giai đoạn Thọ rồi, hay cả ở giai đoạn bắt đầu là Sắc. Vậy ta hãy xét xem Tướng có phải thật sự là ta không - Tư duy, tư tưởng và hậu quả của chúng là thất tình, thay đổi không ngừng, cũng như thức, thức càng thay đổi, tướng càng thay đổi theo - Tướng chuyển hóa, tướng thay đổi, tướng có trước, biến vào quá khứ khi tướng có sau xuất hiện - cứ thế thì biết sao được Tướng nào là Ta thật sự. Ta không thể căn cứ vào tướng để biết được cái Ta thật sự - Vậy Tướng cũng là một uẩn.

Sau cùng là HÀNH - Hành là những sinh hoạt bên trong cơ thể hay được biểu lộ ra bên ngoài thành cử chỉ thái độ. Quả tim đập là Hành, máu chảy châu thân là Hành, hơi thở ra vào là hành, tất cả mọi cơ quan làm việc trong cơ thể là Hành, đi đứng nằm ngồi nhảy chạy là Hành - Như vậy Hành cũng là Ta vậy - Nhưng hành là thành tựu của bốn uẩn Sắc - Thọ - Thức - Tướng. Bốn uẩn trên cũng đều vô thường chuyển hóa, nên Hành cũng vô thường chuyển hóa, mỗi phút qua mỗi khác thì biết hành nào là Ta. Không thể dựa vào Hành mà tận thấy Ta thực sự được - Vậy hành cũng là một uẩn.

Sau khi xem xét phân tách từng uẩn một, ta thấy Sắc, Thọ, Thức, Tướng, Hành, năm uẩn đều vô thường, đều chuyển hóa qua thời gian, không thấy đâu là sự thực của Ta cả - Nhưng năm uẩn phối hợp lại thành TA, vậy mà tìm không ra Ta nơi năm uẩn đó vì năm uẩn luôn luôn chuyển hóa, cho nên năm uẩn có đó mà thành như không, vì ta không nắm giữ được gì cả của năm uẩn ấy - Cho nên Bồ Tát Quán Tự Tại mới thấy năm uẩn đều không, có nghĩa là sắc thọ thức tướng hành đều không thì tổng số kết hợp lại Sắc + Thọ + Thức + Tướng + Hành cũng là không. Vậy TA cũng không luôn. Không đây có nghĩa là "không là gì cả" (không là sắc, không là thọ, không là thức, không là tướng, cũng không là hành) -

Sau khi Bồ Tát Quán Tự Tại nhìn thấy rõ ngũ uẩn giai không, "ta" cũng không luôn, nên giải được mọi khổ ách, mọi khổ đau, mọi phiền não. Có thật vậy không? Ta không là gì cả, kể cả Ta không là Ta. Bất cứ Ta là gì cũng đều tạo ra lo âu, phiền não, đau khổ. *Thí dụ:* Ta là ngũ uẩn.

Nếu Ta là ngũ uẩn, nghĩa là sắc, thọ, tướng, hành, thức hay thọ, hành, thức, sắc, tướng, sắp thứ tự thế nào đi nữa thì ngũ uẩn cũng phối hợp chặt chẽ với nhau để thành tựu cái Ta. Đã là Ta thì phải lo bảo vệ cái ta, phát triển cái ta bất cứ theo chiều hướng nào, chiều hướng tham sân si hay chiều hướng Bi Trí Dũng thì cũng có những mối lo âu, lo âu là khởi đầu của phiền não và đau khổ -

Ta là người,

Ta là người nghĩa là ta không phải là loài vật, ta cao hơn loài vật vì ta có ngôn ngữ, có tư duy, có sáng tạo. Nhưng ta vẫn còn phần "thú tính", chính phần thú tính ta phải lo, lo ăn, lo mặc, lo an toàn, lo bệnh tật, lo thỏa mãn thú tính - nhưng ta có danh dự là người, ta phải tổ chức cuộc sống của loài người khác hơn loài vật - Ta là người ta phải lo âu, lo âu là khởi đầu của phiền não và đau khổ -

Ta là con cái,

Ta là con cái, nghĩa là ta có cha mẹ, có anh chị em, cùng sống chung một gia đình. Ta có bổn phận là con đối với cha mẹ, bổn phận làm anh, làm chị, làm em trong gia đình. Ta có những lo âu, lo âu là khởi đầu của phiền não và đau khổ. Lớn lên ta có vợ có chồng, ta là vợ là chồng, ta có những bổn phận làm chồng làm vợ. Ta phải có những lo âu - lo âu là khởi đầu của phiền não và đau khổ.

Khi có con, ta là cha, là mẹ, ta có những lo âu làm cha làm mẹ, lo âu là khởi đầu của phiền não và đau khổ -

Cứ vậy mà xét, hề thấy Ta là gì, là sẽ có đau khổ - Cho nên khi Ta nhìn thấy được bằng phương pháp Quán Tự Tại? Ngũ uẩn giai không, tức Ngã (ta) cũng không thì giải được mọi phiền não đau khổ vì lo âu -

\*  
\* \*

Nhưng đâu phải dễ dàng chấp nhận ngũ uẩn giai không và ngã không (vô ngại). Cho dầu hiểu được và chấp nhận đi nữa cũng khó mà áp dụng vào đời sống hằng ngày, vì xung quanh ta vẫn còn những người vẫn chưa thấy năm uẩn là không và ta không là gì cả nên họ vẫn còn tạo cho ta những phiền não. Lý luận như vậy cũng vì chưa hiểu được năm uẩn đều không. Ta phải tụng tiếp đoạn tiếp theo - Đoạn này bắt đầu bằng: "Xá Lợi Phất!".

Đây là tên của vị đệ tử xuất sắc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây cũng là lời gọi của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đối với đệ tử của Ngài: "Này ông Xá Lợi Phất!"

Tiếp theo là hai vế Sắc, Không như sau:

"Sắc bất dị không, Không bất dị Sắc" vế (1)

"Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc" vế (2)

và "Thọ Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị" -

Trong hai vế (1) và (2) chỉ khác nhau ở những từ ngữ Bất dị và tức thị. Điểm then chốt của bài kinh này là phân biệt được ý nghĩa của Bất dị và Tức thị. Nhưng trước khi làm việc này, cần phải xác định ý nghĩa của Sắc và Không của hai vế trên, nhất là chữ Không -

Chữ "Không" trong nhóm từ "ngũ uẩn giai không" khác với chữ "không" trong nhóm Sắc Không của hai vế trên, vì sao?

1. Vì chữ "không" của ngũ uẩn giai không, có nghĩa là kết quả của vô thường, của chuyển hóa. Như đoạn trước ta đã hiểu Sắc là không, Thọ là không, Thức là không, Tưởng là không, và Hành là không.
2. Còn chữ "không" của hai vế "Sắc Không. . . Không Sắc" là tổng hợp của bốn uẩn còn lại. (Tổng hợp của bốn "không" cung thành "không") - Cho nên, vế thứ nhất "Sắc bất dị Không" ta phải hiểu

là "Sắc bất dị tổng hợp của Thọ, Thức, Tưởng, Hành." Và "Không bất dị Sắc" ta phải hiểu là "tổng hợp của Thọ Thức Tưởng, Hành bất dị sắc".

Đây là về nói lên sự phối hợp có điều kiện của năm uẩn để hình thành cái Ta, mọi chúng sinh đều có cái Ta riêng của mỗi loài - Con người có ngũ uẩn riêng của loài người - con trâu, con bò có ngũ uẩn riêng của chúng. Sắc uẩn loài nào thì phối hợp theo Thọ, Thức, Tưởng, Hành riêng của loài đó. Thân con trâu không thể phối hợp được với Thọ Tưởng Hành Thức của loài khỉ hay loài chó được.

### **“Sắc Bất Dị Không, Không Bất Di Sắc” (vế 1)**

Dịch nghĩa: Sắc chẳng khác Không

Không chẳng khác sắc.

Mỗi loài có ngũ uẩn riêng của loài đó. Trong mỗi loài, ngũ uẩn cũng chuyển hóa theo từng đơn vị từng con một, nhìn chung mỗi loài ta thấy ngũ uẩn tổng hợp cũng chuyển hóa theo thời gian. Khoa học sinh vật gọi đó là tiến bộ của mỗi loài. Từ ngũ uẩn thô sơ nhất chuyển hóa thành ngũ uẩn phức tạp hơn, thí dụ theo thuyết tiến hóa của Darwin từ sinh vật A chuyển hóa thành sinh vật Á, thí dụ từ chồn tiến lên chó, chó tiến lên gấu. Có thể tin vào thuyết chuyển hóa này mà có nhóm khoa học gia chấp nhận “loài khỉ là thủy tổ loài người”, cho rằng: ngũ uẩn của loài khỉ tiến bộ và chuyển hóa dần tinh vi hơn, phức tạp hơn; để trở thành ngũ uẩn của loài người. Theo cơ sở lý luận trên, ta thấy sắc tướng của từng loài một phù hợp với thọ, thức, tưởng, hành của loài đó. Xin nhắc lại tổng hợp của bốn uẩn thọ, thức, tưởng, hành cũng là không, để nói một cách khác câu trên: Theo cơ sở lý luận trên, ta thấy sắc tướng của từng loài một phù hợp với cái “không” của loài đó - hay nói ngắn gọn là "sắc tướng chẳng khác không" hay "sắc chẳng khác không" và dĩ nhiên nói ngược lại cũng đúng. Tổng hợp của bốn uẩn Thọ Tưởng, Hành, Thức của loài nào phù hợp với sắc tướng của loài đó, hay nói là "không của loài nào phù hợp với sắc tướng của loài đó", hay nói ngắn gọn là: "không chẳng khác sắc tướng" hay "không chẳng khác sắc".

Đến đây, chúng ta nhận thấy ý niệm ngũ uẩn chuyển hóa để hình thành một "ngũ uẩn" tiến bộ hơn, để mỗi loài tiến bộ mang một danh xưng mới, như loài khỉ, tiến qua đười ươi v. v. , tiến qua loài người. Loài người là kết quả của sự chuyển hóa tiến bộ của ngũ uẩn loài khỉ, tạo được một hình tướng (sắc) phù hợp với tiến bộ của "không" -

Vế (1) cho thấy mặc dầu vạn vật do duyên khởi, nhưng theo một điều kiện "Sắc bất dị không, không bất dị sắc" - Sắc phù hợp với không, không phù hợp với sắc - *Thí dụ*: con người muốn sáng tạo, muốn hình thành một vật gì cũng theo điều kiện trên; anh A muốn có cái bàn chẳng hạn, hình dáng cái bàn tròn vuông, kích thước, màu sắc, anh phải phát họa trong trí, phải vẽ nó lên giấy tờ, tính toán theo "thọ, thức, tưởng, hành" của anh, tức theo trình độ học thức của anh, tức là anh phải biểu lộ cái phần “không” của anh ra thành một đồ án. Sau đó anh nhờ một ông thợ mộc thực hiện dự án "cái bàn" đó, ông thợ mộc B theo đồ án đó mà hoàn thành công trình, đem cái Bàn đến anh A. Anh A so sánh cái bàn (sắc) với dự án của mình (không), nếu thấy hai bên "sắc" và "không" phù hợp (bất dị) chẳng khác tức là chấp nhận sự sáng tạo, sự hình thành cái bàn - "Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc" là điều kiện để sáng tạo - Tóm lại, Vế (1) nói về sự sáng tạo, sự hình thành.

Sự sống của con người có nhiều nhu cầu, những nhu cầu không thỏa mãn được, không giải quyết được, thì gây phiền não, gây đau khổ - Cho nên muốn bảo vệ sự sống phải sáng tạo mọi phương tiện để thỏa mãn mọi nhu cầu.

Con người cần cơm ăn, áo mặc, nhà ở, việc làm, di chuyển, học hành, an ninh, bảo vệ sức khỏe, giải trí, vân vân và vân vân. Nếu không có trí tuệ để sáng tạo, nếu không nhờ "sắc bất dị không, không bất dị sắc" thì làm sao giải quyết thỏa đáng mọi nhu cầu. Bởi vậy phải chấp nhận ngũ uẩn giai không mới đi tới sắc bất dị không, không bất dị sắc, mới sáng tạo, mới hết khổ - mới độ nhất thiết khổ ách –

\*  
\* \*

### **“Sắc Tức Thị Không, Không Tức Thị Sắc” (vế 2)**

Dịch nghĩa: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" nghĩa là nhìn thấy "Sắc" thì biết được "Không", hay nói rộng ra, nhìn thấy sắc tướng thì biết ngay "Thọ Thức Tường Hành". Cái sắc tướng bên ngoài tiết lộ được cái bên trong, tức là những cái "không" bên trong thân xác ấy, tức là Thọ, Thức, Tường, Hành. Thí dụ nhìn thấy con vật hình dáng giống con khỉ thì biết ngay cái phần "không" của nó, cái phần Thọ, Thức Tường và Hành của nó. Nhìn thấy sắc tướng, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ của một người biết ngay người đó đang buồn, đang vui, đang tức, đang nóng giận, đang sợ hãi, đang âu lo v. v. , hiểu được trình độ học thức, trình độ đạo đức, chân giả của người đó - Người ở núi biết tính tình các loài cầm thú - người ở biển biết tính tình các loài thủy tộc - Nhìn con chó biết là loài có nghĩa với chủ - thấy nó ngoắc đuôi biết nó mừng, thấy nó cụp đuôi biết nó đang sợ. Kể một vài thí dụ trên đây để hiểu rằng cái sắc tướng thể chất, màu sắc, thái độ, âm thanh phát ra, có thể cho biết cái tình trạng của "Thọ Thức Tường Hành" ở bên trong - để hiểu "sắc tức thị không, không tức thị sắc" - Tinh thần vế (2) này đưa tới sự tiến bộ trong sáng tạo, trong hình thành, đưa tới sự tu chính, cải thiện để tiến bộ mỗi ngày một tốt hơn - Vì vế (1) nói lên sự sáng tạo để thỏa mãn nhu cầu sơ đẳng (như ăn no, mặc ấm, ở yên) nhưng con người còn có khuynh hướng tiến lên (ăn ngon, mặc đẹp, ở sang) nên cần cố gắng bước thêm bước nữa, đó là tiến bộ trong sáng tạo, vì muốn tiến bộ cần phải so sánh cái sáng tạo trước với cái sáng tạo sau; cái sáng tạo của ta với cái sáng tạo của người; cái sáng tạo của người xưa với cái sáng tạo của ta hôm nay; cái sáng tạo của dân tộc này với cái sáng tạo của dân tộc khác. *Thí dụ:* những sản phẩm của Việt Nam phải so sánh với sản phẩm của Nhật, của Thái Lan để biết được trình độ khoa học kỹ thuật, tức là "Thọ Thức Tường Hành" của Việt Nam, tức là cái “không” của Việt Nam. Nhìn một bộ chén trà của Việt Nam làm ra với một bộ chén trà của Nhật Bản làm ra, ta có thể đánh giá mức độ kỹ thuật, trình độ học thuật bên nào cao bên nào thấp - Và khi muốn có một bộ chén trà như ý chắc chắn ai cũng thích mua bộ chén trà Nhật Bản, vì sao? Vì "Sắc tức thị không, không tức thị sắc" - Việt Nam muốn cạnh tranh với Nhật thì phải tiến bộ trong sáng tạo, trong hình thành, phải đáp ứng được "sắc tức thị không, không tức thị sắc". Phải tiến bộ trong sáng tạo mới thỏa mãn những nhu cầu mỗi ngày mỗi tăng thêm mỗi ngày mỗi mới.

Dân tộc Nhật đã hiểu một cách thấu đáo thực tiễn hai vế sắc không, bất dị và tức thị của bài Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa nên đã biết nâng cao trình độ Thiền, trình độ khoa học kỹ thuật để dần dần tiến lên chiếm địa vị cao, đôi khi cao hơn các nước Tây phương về một vài ngành chuyên môn - như ngành sản xuất xe hơi.

Kết luận phần này là: Nhờ phương pháp Thiền: Quán Tụ Tại đi sâu vào trí tuệ bên bờ giác để nhận thấy năm uẩn, sắc, thọ, thức, tường, hành đều không, rồi từ đó tìm ra được hai vế “sắc bất dị không, không bất dị sắc” và “sắc tức thị không, không tức thị sắc” để giải tỏa mọi khổ ách bằng sáng tạo và tiến bộ trong sáng tạo.

Nay sang tìm hiểu: **"Thọ, Tường, Hành, Thức diệp phục như thị"**

Dịch nghĩa: "Các uẩn Thọ, Tường, Hành, Thức cũng lại đúng như vậy. " Ý câu này nói rằng nếu thay vì là uẩn "Sắc" ghép với "không", ta ghép uẩn "Thọ" với "không" thì ta có 2 vế:

Thọ bất di không, không bất di thọ

Thọ tức thị không, không tức thị thọ

Ta ghép uẩn "Thức" với "không" thì ta có 2 vế:

Thức bất di không, không bất di thức

Thức tức thị không, không tức thị thức

Ta ghép uẩn "Tường" với "không" thì ta có 2 vế:

Tường bất di không, không bất di tường

Tường tức thị không, không tức thị tường

Ta ghép uẩn "Hành" với "không" thì ta có 2 vế:

Hành bất di không, không bất di hành

Hành tức thị không, không tức thị hành.

### ***"Thọ bất di không, không bất di thọ"***

"Không" đây là tổng hợp của 4 uẩn Thức, Tường, Hành, Sắc - Tổng hợp của 4 không cũng là không - Mỗi loại ngũ uẩn phải có cái "Thọ" phù hợp với "không" của nó. *Thí dụ:* sư tử, cọp, beo có cái Thọ về vật chất của chúng là sinh mạng các loài khác - Trâu, bò, voi, dê, thỏ có cái Thọ về vật chất là cỏ, rơm, rau, thảo mộc, cái thọ của ong là mật. Loài nào "thọ" nấy - Sư tử không thèm ăn cỏ, voi không cần ăn thịt. Loài khi Thọ đủ loại thực phẩm như người - Về mặt "thọ" tinh thần, tức là vấn đề giáo dục thì mỗi loài có một lối giáo dục riêng biệt - Giáo dục phải phù hợp với "không" của mỗi loài -

Như vậy về "Thọ bất di không, không bất di thọ" có ý niệm về nuôi dưỡng và giáo dục. Nuôi dưỡng và giáo dục cũng phải phù hợp với thể tạng và tánh tình của mỗi loài. Nuôi dưỡng và giáo dục cũng phải cải thiện tiến bộ luôn luôn.

### ***"Thọ tức thị không, không tức thị thọ"***

Cứ quan sát nền giáo dục của một dân tộc thời biết được trình độ học thuật (khoa học kỹ thuật) của họ. Thí dụ ở Nhật, người ta rèn luyện ý chí, rèn luyện sức chịu đựng của cơ thể đối với mọi thời tiết. Có trường tiểu học người ta tập cho trẻ nhỏ ở trần, trên người chỉ mặc quần đùi, đi ngoài trời lạnh, tuyết đang rơi. Thế mà phụ huynh học sinh vẫn thích lối giáo dục như vậy vì nhận thấy sức khỏe của con em được ổn định qua mọi thời tiết.

### ***"Thức bất di không, không bất di thức"***

Cái biết chẳng khác cái không, không chẳng khác biết. "Không" đây là tổng hợp của 4 uẩn: Sắc, Thọ, Tường, Hành - Tổng hợp của 4 không cũng là không. Mỗi loại ngũ uẩn đều có cái Thức phù hợp với

cái "không" của nó. Mỗi con người, mỗi ngũ uẩn, có một tâm thức khác nhau tùy theo mức độ "Thọ" mức độ giáo dục của mỗi cá nhân. Tâm thức cũng chuyển hóa theo không gian (dân tộc, địa lý) và theo thời gian (thời kỳ, thời đại), tâm thức của mỗi vùng, mỗi dân tộc khác nhau - Dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam đều có tâm thức khác nhau. Sự khác biệt đó tùy theo truyền thống từ xa xưa tích tụ lại do cuộc sống của mỗi dân tộc mỗi khác. Tuy con người tự xưng là con vật tiến bộ nhất nhưng những loài vật khác vẫn có những "Thức" tinh tường hơn con người về cái nghe cái nhìn cái ngửi chẳng hạn - Nói một cách cụ thể, Tri Thức của một dân tộc được tập hợp trong những cuốn tự điển của mỗi quốc gia, có thể nói tự điển càng dày, trí thức càng phức tạp. Những quốc gia tân tiến có những bộ đại tự điển (Encyclopedie = bách khoa tự điển) để tổng hợp Tri Thức của họ. Tri thức chuyển hóa tiến bộ luôn nên các bộ tự điển cũng phải được tu bổ từng đợt một để cập nhật hóa mức độ tiến bộ - Do đó, khi tiếp xúc với bộ tự điển của một dân tộc, chúng ta hiểu ngay trình độ "Tri Thức" của họ, hay "Tâm Thức" của họ.

### ***“Thức tức thị không, không tức thị Thức”***

Và tiếp xúc với Sắc, Thọ, Hành, Tướng của họ, chúng ta biết được tâm thức của họ - Lối sống thể hiện qua phong cách ăn mặc, ngôn ngữ, nhà cửa, thành phố, nghệ thuật, văn chương, giúp cho chúng ta hiểu được tâm thức của họ - Chúng ta muốn tìm hiểu một tâm thức nào ta phải trực tiếp tiếp xúc với những đặc tính biểu lộ bằng ăn mặc, ngôn ngữ, nhà cửa, kiến trúc, nghệ thuật, văn chương v.v. Đó là áp dụng Thức tức thị không, không tức thị Thức.

### ***“Tướng bất dị không, không bất dị Tướng”***

Tư tưởng chẳng khác không, không chẳng khác tướng. "Không" đây là tổng hợp của 4 uẩn: Sắc, Thọ, Thức, Hành. Tư tưởng phù hợp với sắc tướng, với giáo dục, với tâm thức và với hành động. Tư tưởng tư bản phù hợp với tổ chức tư bản, với nền giáo dục tư bản, với tâm thức tư bản - Muốn có một nền tư tưởng tư bản thì phải có tổ chức tư bản, phải có giáo dục tư bản và tâm thức tư bản - Bọn Cộng sản chủ nghĩa cũng phải phá bỏ mọi tổ chức tư bản, mọi giáo dục tư bản, mọi tâm thức tư bản để xây dựng chế độ Cộng sản với cơ cấu tổ chức Cộng sản, với nền giáo dục nhồi sọ, với tâm thức hạ nhân phẩm xuống ngang hàng với súc vật - đó là nói về tư tưởng chính trị. Đối với các tư tưởng tôn giáo, xã hội, kinh tế cũng vậy. Tư tưởng Phật Giáo phải phù hợp với tổ chức, với giáo dục và với tâm thức của Phật Giáo - Muốn tạo dựng tư tưởng Phật Giáo, ta phải tổ chức cơ cấu, soạn thảo chương trình giáo dục và tập sống với tâm thức Phật Giáo - Tư tưởng nào cũng chuyển hóa theo không gian và thời gian, tư tưởng về sự hiện hữu của con người chẳng hạn, biến đổi theo trình độ học thức kinh nghiệm, trình độ khoa học kỹ thuật, đi từ đa thần đến độc thần, từ độc thần đến vô thần, tư tưởng hiện đại là tư tưởng đề cao Trí Tuệ con người.

Các tư tưởng tôn giáo cũng như chính trị chuyển hóa, tiến bộ hay thoái bộ và qua không gian, qua thời gian, qua kinh nghiệm của tâm thức, hễ phù hợp với sự tiến bộ hướng tới chân thiện mỹ, tiến tới lương tâm, lương tri và lương năng của loài người, thích ứng với nhu cầu của "ngũ uẩn" thì tồn tại lâu dài, và ngược lại thì phải bị hủy diệt thoái bộ. *Thí dụ:* những chế độ độc tài, chế độ đế quốc, chế độ phong kiến, chế độ bóc lột v.v.

Nhìn vào tư tưởng một người nào, ta có thể đánh giá đạo đức, học thức, và tâm thức của người đó. Tướng tức thị không. Biết tư tưởng của người nào, ta có thể biết được nếp sống của người đó, biết họ

đã được hấp thụ một nền giáo dục nào, biết được đạo đức của họ. Tưởng tức thị không. Ngược lại biết được đạo đức, nền giáo dục, và nếp sống của một người nào, ta có thể biết được tư tưởng của họ. Đó là không tức thị Tưởng.

Tưởng bất dị không, không bất dị Tưởng

Tưởng tức thị không, không tức thị Tưởng

là nền tảng xây dựng, sáng tạo và tiến bộ trong sáng tạo một hướng sống tốt cho con người, xây dựng một chế độ tự do, dân chủ, bình đẳng, hòa bình, thịnh vượng, đầy đủ tình thương và trí tuệ. Những người đầu tiên đến Tân thế giới và xây dựng thành một nước Hoa Kỳ tân tiến ngày nay nhờ đã có sẵn những tư tưởng của một Âu Châu mà những người ấy là những hậu sanh khả úy - Lấy tư tưởng "chân thiện mỹ" của Âu Châu có sẵn trong tâm thức mình, họ đã dần dần chuyển hóa tư tưởng, sáng tạo và tiến bộ trong sáng tạo những tư tưởng mới, để có một nước Hoa Kỳ tự do dân chủ bậc nhất của thế giới

Và sau cùng: *Hành bất dị không, không bất dị Hành*

*Hành tức thị không, không tức thị Hành*

"Không" ở đây là tổng hợp của Sắc, Thọ, Thức, Tưởng, tổng hợp của 4 uẩn, của 4 không. Bốn uẩn phối hợp để có Hành động - Những hành động ở trong cơ thể (sắc) phù hợp với sức khỏe với trí tuệ với tâm thức, tư tưởng. Trong cơ thể mỗi cơ quan có một chức năng, phối hợp mọi hoạt động dưới sự quản trị của tâm thức để tạo sự sống: tim đập, máu lưu thông, phổi hô hấp, miệng ăn uống, nói năng, tai nghe, mắt nhìn, chân tay cử động, làm việc học hành, giải trí v. v. Tất cả được gọi là Hành - Hành động phù hợp với cơ thể (sắc) mạnh khỏe hay yếu đau, với sự giáo dục (thọ) với sự hiểu biết (thức) và với tư tưởng, tư duy, tình cảm, (tưởng) - Người đang đói ăn uống khác người đang no - Người đau tim, nhịp tim đánh lúc mau lúc chậm khác với nhịp tim của người mạnh khỏe - Người đang sợ hãi nhịp tim đánh khác với người bình tĩnh - Người nóng giận ăn nói dữ tợn hơn người điềm đạm - Một võ sĩ chuyên nghiệp có lối đấu quyền khác với người võ sĩ sơ cấp vân vân và vân vân. Mọi hành động đều phù hợp với "không". Hành bất dị không, không bất dị Hành. Con người thế nào thì hành động thế ấy, hành động thế nào thì con người thế ấy. Hành tức thị không, không tức thị Hành. Người ta thường nói "Văn thể là người" nghĩa là cái lối viết văn, cái lối diễn tả tư tưởng của người viết văn nói lên được "ngũ uẩn" của người đó - Vậy:

Hành bất dị không, không bất dị Hành

Hành tức thị không, không tức thị Hành

là nền tảng định giá một "ngũ uẩn", một con người căn cứ vào hành động, ngôn ngữ, thái độ thuộc phạm trù Hành.

Tổng kết đoạn này, chúng ta có thể khi tìm thấy được ngũ uẩn giai không, ta có thể "độ" nhất thiết Khô Ách, với tinh thần sáng tạo và tiến bộ trong sáng tạo trong 5 lãnh vực của cuộc sống, phát hiện được qua 5 công thức sau đây:

- |                                                                               |                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1. Sắc bất dị không, không bất dị sắc<br>Sắc tức thị không, không tức thị sắc | } Hình thành sản phẩm và tiến bộ trong hình thành |
| 2. Thọ bất dị không, không bất dị thọ<br>Thọ tức thị không, không tức thị thọ |                                                   |
|                                                                               | } Nuôi dưỡng và giáo dục                          |

- |                                                                                       |   |                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------|
| 3. Thức bất dị không, không bất dị thức<br>Thức tức thị không, không tức thị thức     | } | Tổng kết Tri Thức             |
|                                                                                       |   |                               |
| 4. Tướng bất dị không, không bất dị tướng<br>Tướng tức thị không, không tức thị tướng | } | Xây dựng chế độ cho cuộc sống |
|                                                                                       |   |                               |
| 5. Hành bất dị không, không bất dị hành<br>Hành tức thị không, không tức thị hành.    | } | Định giáo một con người       |
|                                                                                       |   |                               |

Thay vì viết tràng giang đại hải như trên, trong kinh chỉ tóm thâu trong mấy chữ sau:

Sắc bất dị không, không bất dị sắc

Sắc tức thị không, không tức thị sắc

Thọ, Tướng, Hành, Thức diệt phụ như thị -

\*  
\* \*

Nếu chúng ta căn cứ vào những từ ngữ "vô thường", "chuyển hóa", "ngũ uẩn giai không", "sắc sắc không không" để đi tới kết luận, cuộc đời này là mộng ảo để "giải thoát mọi phiền não" thì không bao giờ hết phiền não, phiền não vẫn còn dài dài!!! Cuộc đời là một giấc mơ ư? Một hơi thở là của ai, một miếng ăn là của ai, một manh áo là của ai, mái nhà anh ở là của ai, con đường cho anh đi là của ai, xe cộ cho anh đi đây đó là của ai, nhà trường cho anh học là của ai, bệnh viện cho anh nằm chữa bệnh là của ai, thuốc men ai làm ra, điện nước ai làm ra, ai giữ an ninh cho anh ngày đêm, ai viết sách, in sách, bán sách cho anh học anh đọc, bất cứ một nhu cầu nào của anh ai thỏa mãn cho anh. Nếu cuộc đời là ảo mộng, anh làm sao có những thứ trên đây để sống - Anh quên xã hội rồi sao? Anh quên loài người rồi sao? Anh là một phần tử của loài người - Anh với loài người là một, trong cái một đó có cả quá khứ hiện tại và vị lai, trong cái một đó có cả không gian, cả vũ trụ - Cả cái vũ trụ này duyên khởi để cho anh hiện hữu, cho dù cái hiện hữu ấy vô thường và chuyển hóa. Đừng có hiểu lầm "vô thường" và "chuyển hóa" mà bi quan cuộc đời - cho cuộc sống cuộc đời là mộng ảo -

Phật pháp không chủ trương cuộc đời là mộng ảo - Phật pháp chỉ nói cuộc đời vô thường, chuyển hóa, chuyển hóa theo nhân quả, nhân duyên và "ngũ uẩn giai không". Phật pháp nêu rõ bốn giai đoạn chuyển hóa của tư tưởng nhân loại. Đầu tiên tư tưởng loài người còn ở trình độ thấp chưa có kinh nghiệm, nên loài người "chấp có", tất cả đều có, cả vũ trụ này đều có, cô thân, tiên, thánh, có trời, có thượng đế, có tạo hóa, có ta, có người v.v.

Tới giai đoạn thứ nhì, rút kinh nghiệm, cái gì có rồi cũng chẳng còn, nghĩa là không giữ được cái gì lâu, có đó rồi mất đó, mọi thứ đều "thành trụ hoại không" nên loài người không tin cái gì cũng có cả mà chính cái gì cũng không vì cái gì cũng vô thường, chuyển hóa từ có sang không. Giai đoạn chấp không là giai đoạn bi quan, cho cuộc đời là ảo mộng.

Trí tuệ loài người tiến bộ đi tới giai đoạn thứ ba là vừa chấp có vừa chấp không, chấp "vừa có vừa không" vì thấy mọi sự mọi vật đều chuyển hóa từng sát na, từng giây từng phút, do đó mà "ngũ uẩn giai không". Nhưng trong cái "không" của ngũ uẩn có cái gì đó, nên ngũ uẩn mới tồn tại và chuyển

hóa. “Cái gì đó” có như thế nào trong ngũ uẩn? Đã gọi là uẩn, là che dấu sự thật thì ta không thể đưa vào ngũ uẩn mà phát hiện ra được "cái gì đó". Vấn đề "cái gì đó" hạ hòi phân giải.

Giai đoạn sau cùng mà trí tuệ loài người tiến tới là "chẳng phải có, chẳng phải không" (phi vô, phi hữu) cũng chỉ dựa trên căn bản Vô thường, Vô ngã và chuyển hóa -

Vì có người tin rằng có linh hồn trong thể xác, nên linh hồn làm cho thể xác "sống" và khi linh hồn rời khỏi thể xác thì thể xác "hết sống" tức là chết. Chết thì thể xác tan ra vì không còn linh hồn để làm chất keo bảo tồn sự sống. Phật pháp không đồng ý quan niệm trên, không chấp nhận có linh hồn riêng biệt - Phật pháp chấp nhận "cái gì đó" chung cho cả vạn pháp, và gọi đó là Phật tánh, là đại ngã, là tự tánh.

Chúng ta hãy tụng tiếp đoạn san của kinh:

**“Xá Lợi Phất! Thị chư pháp không tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.”**

Dịch nghĩa: “Này ông Xá Lợi Phất! cái tướng không này của các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.”

Xin giải rõ hơn: chữ “thị” 侍 đây có nghĩa là này, cũng là chữ thị trong "như thị ngã văn" nghĩa là "như thế này tôi nghe." Chư pháp không tướng: nghĩa là không tướng của chư pháp = cái tướng không của các pháp. Theo Phật pháp thì tất cả mọi sự vật đều do duyên khởi chuyển hóa phối hợp mà hình thành đều gọi là Pháp.

Xin giải nghĩa vì sao? chữ Pháp, Việt Nho viết 法 gồm có hai chữ. Một là Thủy (水 hay 氵) và hai là Khử 去 là trừ đi, tẩy sạch. Thủy là nước. Pháp có nghĩa là lấy nước mà tẩy sạch, tức là đang ở tình trạng "dơ" mà muốn chuyển qua tình trạng "sạch" thì phải dùng nước mà tẩy dơ. Như vậy chữ pháp có hàm ý "chuyển hóa", vì vậy mà mọi sự vật đều chuyển hóa nên được gọi là vạn pháp. Vậy thì ngũ uẩn cũng là pháp, vì ngũ uẩn đều chuyển hóa, mà chuyển hóa có ẩn dấu cái "tướng không", cái tướng không này chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt, mặc dù ngũ uẩn (các pháp) chuyển hóa có sanh, có diệt, có dơ, có sạch, có thêm, có bớt.

Như vậy đến đây chúng ta gặp cái "không" mà có, Phật pháp gọi đó là "Chân không diệu hữu." Còn cái không của "ngũ uẩn giai không" trong cái về "sắc bất dị không" hay "sắc tức thị không" là tổng hợp của các không, các uẩn.

Đoạn kinh nói trên đây: "Xá đi Phất! **Thị chư Pháp không tướng bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm**" cho ta biết sơ qua về cái “chân không diệu hữu”, muốn đi sâu hơn đó là ngoài khả năng của tôi.

Trước khi nghiên cứu tiếp các đoạn sau, tôi cũng lưu ý mấy từ ngữ sau đây: đó là VÔ, BÁT và PHI. **Vô** nghĩa là **không có**, nó thường đứng trước một danh từ. *Thí dụ:* vô hình, vô ảnh, vô nghĩa, vô lý, vô thanh, vô âm tín, vô bằng chứng, nghĩa là không có hình, không có cảnh, không có nghĩa, không có lý, không có tiếng, không có tin tức, không có bằng chứng. **Bát** nghĩa là **chẳng**, nó thường đứng trước một động từ. *Thí dụ:* bất sanh, bất diệt, bất động, bất ngôn, bất thành, bất nghĩa, bất nhân, nghĩa là chẳng sanh ra, chẳng mất đi, chẳng động dậy, chẳng nói năng, chẳng thành công, chẳng ở cho phải nghĩa, chẳng đối xử cho có tình người. **Phi** nghĩa là **chẳng phải**, trái với, nó thường đứng trước một tính từ hoặc danh từ. *Thí dụ:* phi lý, phi nghĩa, phi nhân, phi tướng, nghĩa là chẳng phải lý, trái với lý thường, chẳng phải nghĩa, trái với nghĩa thường, chẳng phải tình người, trái với tình người, chẳng phải tướng, trái với tướng thường.

Đoạn kế tiếp của kinh là “**Thị cố không trung vô** sắc, **vô** thọ tướng hành thức, **vô** nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, **vô** sắc thanh hương vị xúc pháp, **vô** nhãn giới nãi chí **vô** ý thức giới, **vô** vô minh diệc, **vô** vô minh tận nãi chí **vô** lão tử diệc, **vô** lão tử tận, **vô** khổ, tập, diệt, đạo **vô** trí diệc **vô** đắc.”

Ở trên chúng ta đã hiểu chữ "không tướng" (là tướng không) của vạn pháp. Bây giờ đầu tiên là từ ngữ Thị cố: nghĩa là "do đó cho nên" hay là "vì lý do đó cho nên". Đoạn trên được dịch như sau: Vì lý do đó cho nên, trong cái "không":

- **không có** sắc
- **không có** thọ tướng hành thức
- **không có** nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý
- **không có** sắc thanh hương vị xúc pháp
- **không có** nhãn giới cho đến **không có** ý thức giới
- **không có** vô minh cũng **không có** sự hết vô minh cho đến **không có** lão tử cũng **không có** sự hết lão tử
- **không có** khổ tập diệt đạo
- **không có** trí cũng không có sự chứng đắc.

\*

\* \*

Từ ngữ "không trung" tôi dịch là "trong cái không". Cái không nào đây? "Cái không" của ngũ uẩn giai không là cái không vì chuyển hóa, vì vô thường, mỗi phút qua ngũ uẩn của phút trước không còn là ngũ uẩn của phút sau - Cứ như thế, chúng ta chạy theo thời gian để nắm bắt cái ngũ uẩn thì chỉ nắm bắt cái hình bóng của ngũ uẩn mà thôi. Còn cái không của "không tướng" của vạn pháp thì là cái chân không diệu hữu là nền tảng của cái "không chuyển hóa".

Đối với chúng ta thì ngũ uẩn có, nhưng chuyển hóa mãi, nên thành không, nhưng đối với "tướng không", với “chân không diệu hữu” thì ngũ uẩn không có. Khi nào chúng ta dùng cái kính "chân không diệu hữu” mà nhìn vạn pháp thì chẳng thấy gì có cả - Vì lý do đó cho nên, không có sắc, thọ, tướng, hành, thức, mà ngũ uẩn là ta, là ngã - nếu ngũ uẩn không có thì ngã, ta cũng không có – Đã không có Ta, thì không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có những cơ quan đó thì làm sao mà thấy, mà nghe, mà nghĩ, mà nếm, mà cảm xúc, mà có ý tưởng, cho nên không có hình sắc, không có âm thanh, không có mùi hương, không có mùi vị, không có cảm giác, không có các pháp.

Nếu có sáu căn (sáu cơ quan: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) thì có sáu trần (sáu loại “bụi trần”: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) và sáu căn liên kết từng cặp với sáu trần, thì có sáu thức (sáu loại biết: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức) - Mỗi căn liên hệ với mỗi trần để có một thức, cả ba thứ: căn, trần và thức tổng hợp lại gọi là giới, có nghĩa là vùng, là lãnh vực - *Thí dụ*: nhãn + sắc + nhãn thức thì gọi là nhãn giới, nhĩ + thanh + nhĩ thức thì gọi là nhĩ giới, và tỷ + hương + tỷ thức thì gọi là tỷ giới, cứ thế, thiệt + vị + thiệt thức thì gọi là thiệt giới, và thân + xúc cảm + thân thức thì gọi là thân giới, và ý + pháp + ý thức thì gọi là ý thức giới. Trái lại nếu không có lục căn, không có lục trần thì không có lục thức, cho nên kinh nói là: không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới là như vậy -

Lục căn, lục trần, lục thức làm hiện hữu giới hữu tình; giới hữu tình chuyển hóa theo một vòng tròn mà Phật pháp gọi là Mười hai Nhân Duyên bắt đầu từ Vô minh cho đến Lão tử là giáp vòng. Vòng tròn

Thập nhị Nhân Duyên, dịch ra Anh ngữ là: "The Wheel of Becoming" có nghĩa là "bánh xe chuyển hóa thành". Vòng tròn Mười hai Nhân Duyên này gồm có: (1) Vô minh (ignorance), (2) Hành (impulse to action), (3) Thức (consciousness), (4) Danh sắc (body and mind), (5) Lục nhập (six senses), (6) Xúc (sense impression), (7) Thọ (perception), (8) ái (desire), (9) Thủ (grasping), (10) Hữu (becoming), (11) Sanh (birth) và (12) Lão tử (death).

Lão tử giáp lại với Vô minh thành vòng tròn Thập nhị Nhân Duyên - sinh sinh hóa hóa của vạn vật. Phá bỏ được một khâu nào trong 12 khâu này thì vòng tròn sẽ tan rã. Nếu không có "Lục nhập" (tức là sáu căn + sáu trần thì có lục thức) thì còn gì có vòng tròn 12 Nhân Duyên; cho nên kinh nói: "Không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có lão tử - cũng không có hết lão tử". Không có vô minh thì làm sao có hết vô minh, không có lão tử thì làm sao có hết lão tử!

Vô minh (1) chưa phá được thì phải có hành; hành (2) chưa phá được thì phải có thức; thức (3) chưa phá được thì phải có danh sắc; danh sắc (4) chưa phá được thì phải có lục nhập; lục nhập (5) chưa phá được thì phải có xúc; xúc (6) chưa phá được thì phải có thọ; thọ (7) chưa phá được thì phải có ái; ái (8) chưa phá được thì phải có thủ; thủ (9) chưa phá được thì phải có hữu; hữu (10) chưa phá được thì phải có sanh; sanh (11) chưa phá được thì phải có lão-tử; lão tử (12) chưa phá được thì phải có vô minh – Đó là vòng luân hồi sinh tử - Mỗi vòng là một kiếp người, một kiếp chúng sinh.

Vì chưa phá được vòng tròn luân hồi nên con người còn có những đau khổ. Còn đau khổ thì còn Phật pháp, còn phải theo lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni về bốn sự thật tuyệt vời: Khổ, Tập, Diệt, Đạo - Không còn vòng tròn 12 Nhân Duyên thì còn cần gì bài học Tứ Đế, còn gì khổ tập diệt đạo – Cho nên kinh nói: Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo tiếp theo.

Nếu còn thấy khổ, thì phải tìm hiểu nguyên nhân của Khổ; tìm hiểu được nguyên nhân của khổ là Tập, là thói quen, là say mê, là tham lam, là giận dữ, là thất tình, là lục dục, thì phải liệu mà Diệt chúng đi để cho thanh tịnh thân tâm; mà muốn biết cách diệt chúng thì phải tu học theo Phật pháp, tu học theo Đạo, con đường của chư Phật đã đi. Đạo Phật là đạo cứu khổ nếu chúng sinh trong cõi Ta bà này không còn khổ nữa thì Đạo Phật không cần tồn tại nữa - Con người không còn đau khổ nữa - cần gì "phá vô minh", cần gì phải mở trí nữa, cần gì tu học, cần gì chứng đắc - cho nên kinh nói: Vô trí diệt vô đắc - Không có trí gì để học - không có pháp gì để đắc.

\*

\* \*

Biết như vậy đó, nhưng con người vẫn còn đau khổ triền miên, cho nên đạo Phật vẫn phải tồn tại, Phật pháp vẫn phải tồn tại. Đức Phật trước khi "nhập diệt" đã dạy rằng: "Sau khi ta nhập diệt, các con hãy noi theo những điều ta đã giảng dạy mà tu học. Phật pháp sẽ thay ta để hướng dẫn các con trên con đường diệt trừ đau khổ và xây dựng hạnh phúc." Vì Đức Phật biết rằng con người đa số khó mà giác ngộ được như Ngài, cho nên cần có những vị Bồ Tát như Quán Tự Tại Bồ Tát chỉ dẫn cho phương pháp đi sâu vào Trí Tuệ bên kia bờ giác. Nên kinh viết tiếp:

**“Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát Nhã Ba La mật đa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh niết bàn.”**

Dĩ 𑖦 nghĩa là với, nhờ, bằng cách

Vô sở đắc = không có cái chỗ để đắc, để chứng đắc, để được

Cố 故 = cho nên.

Dĩ vô sở đắc cố = cho nên với cái "không có chỗ để chứng đắc", có nghĩa là: Bởi vậy cho nên, với tinh thần "không nghĩ tới chỗ chứng đắc" -

Bồ đề tát đỏa = phiên âm chữ "Bodhisattva" = Bồ Tát - Bồ Tát là con người gương mẫu của Phật Giáo.

Sau khi giải thích một số từ ngữ cần hiểu rõ, tôi dịch đoạn trên như sau:

Bởi vậy cho nên, với tinh thần vô sở đắc, không nghĩ tới chỗ chứng đắc, với tinh thần "vô vi" (vô sở đắc nhi vi) các vị Bồ Tát sống nương tựa vào Trí Tuệ ở bên bờ giác (tuệ giác) cho nên tâm không có gì âu lo nghi ngờ, không còn lo âu nghi ngờ cho nên không còn khiếp sợ, xa rời những mộng tưởng điên đảo để tiến tới thanh tịnh rốt ráo.

Tiến tới thanh tịnh rốt ráo tức là hết khổ - hết khổ là hạnh phúc. Cho nên đoạn kinh tiếp theo viết:

**“Tam thể chư Phật y bát nhả ba la mật đa cố đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.”**

Tam thể chư Phật nghĩa là các đức Phật trong quá khứ, trong hiện tại, và trong tương lai, nghĩa là tất cả những ai đã là Phật, đang là Phật và sẽ là Phật, nếu sống nương theo Tuệ giác thì chứng đắc "Vô Thượng chánh đẳng chánh giác" (nghĩa của từ ngữ: A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, phiên âm của từ ngữ Phạn: Anuttara - samyak - sambodhi) - Sự chứng ngộ tối thượng của chư Phật.

Vì sao đoạn trên kinh nói: "Vô đắc", "vô sở đắc", mà đoạn này lại nói chư Phật có "đắc" vô thượng chánh đẳng chánh giác? Chư Bồ Tát, chư Phật đều với tinh thần vô vi (vô sở đắc nhi vi) nương tựa vào Tuệ giác mà đối xử với mọi loài, không trông mong chờ đợi một chứng đắc nào cả. Nhưng chứng đắc là kết quả không trông chờ mà đến, vì thế không có gì mâu thuẫn cả. Cứ gieo nhân lành mà không chờ đợi quả lành mà tự quả lành chuyển hóa đến -

Cái quả của hành thâm Tuệ giác là phát hiện ra "ngũ uẩn giai không", rồi từ ngũ uẩn giai không phát hiện ra được "sắc bất dị không, không bất dị sắc" và "sắc tức thị không, không tức thị sắc", và "Thọ Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị", cho nên đạt tới cứu khổ ách bằng sáng tạo và tiến bộ trong sáng tạo, nhìn thấy cái vô thường chuyển hóa phải được định hướng theo chân thiện mỹ, theo bi trí dũng, theo lương tâm, lương tri và lương năng mới chuyển hóa được cuộc sống đau khổ thành cuộc sống có hạnh phúc - Tất cả các bậc Bồ Tát nguyện sống vô ngã vô vi để diệt khổ và xây dựng hạnh phúc cho loài người đều nương theo trí tuệ bờ giác tức tuệ giác - cho nên kinh viết tiếp:

**“Cố tri bát nhả ba la mật đa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú năng trừ nhứt thiết khổ, chân thiết bất hư.”**

Ở đoạn này từ ngữ cần hiểu nhất là từ ngữ “CHÚ”. Chú đây ta phải hiểu là "phép lạ". Với ý nghĩa này tôi dịch đoạn này như sau:

"Cho nên mới biết Tuệ giác:

là một phép lạ quá tài như thần

là một phép lạ quá sáng suốt

là một phép lạ không có gì cao hơn

là một phép lạ được xếp vào hạng "không hạng" có khả năng tiêu trừ mọi khổ, chân thực không thể nghi ngờ hư dối được -"

Diệu phép trí tuệ (Tuệ giác) trong kinh này cũng giống như phép lạ của tuệ giác trong kinh "Diệu Pháp Liên Hoa" nếu ta chịu hiểu hai chữ "Liên Hoa" là tượng trưng của Tuệ Giác - Và bài tâm kinh Tuệ giác đã kể thúc bằng đoạn cuối cùng sau đây:

“CỐ THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT:

Yết đế Yết đế

Ba La Yết đế

Ba La tăng Yết đế

Bồ đề ta ba ha."

Trong đoạn cuối này, từ ngữ **chú** trước còn nghĩa là phép lạ, còn từ ngữ chú sau có nghĩa là "một bài kệ có thể tạo phép lạ", câu chú ngắn gọn để làm phương tiện chú nguyện, làm động cơ thúc đẩy tinh thần cầu tiến nhằm thực hiện những phép lạ của Tuệ-giác -

Cho đến hiện nay, trước thềm thế kỷ 21, con người đã nương tựa vào Tuệ giác để thành tựu rất nhiều phép lạ cho cuộc sống văn minh hiện đại, từ những máy vi âm, vi tính (computers) cho đến những vệ tinh nhân tạo, những phi thuyền không gian đưa con người đi tìm hiểu cái chân không diệu hữu ngoài không gian vũ trụ. Tôi dịch đoạn chót này như sau:

Bởi vậy cho nên (Phật) mới nói đúc kết phép lạ của Tuệ giác vào một câu chú viết như sau: Yết đế Yết đế Ba La Yết đế - Ba La tăng Yết đế - Bồ Đề Ta ba ha -

Câu chú này đã được cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền dịch như sau:

"Vượt qua đi, vượt qua đi

Cố gắng sức vượt qua đi

Tất cả gắng vượt qua đi

Mừng cùng đến bờ Tuệ Giác" -

Tôi xin nhắc lại là tôi chỉ là một người mù rờ voi, và tôi ví bài Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa như một con voi. Dù sao tôi cũng vui mừng "dám cả gan" rờ voi và có đủ tâm nguyện để ghi chép lại những sự hiểu biết tầm thường thấp kém của tôi đối với một bài kinh chứa đựng quá nhiều điều cao siêu huyền bí - Công việc tìm hiểu tâm kinh này vẫn còn tiếp tục để giữ vững lời khuyên của câu chú: Yết đế, Yết đế - Tinh thần đạo Phật luôn luôn nằm trong lời Phật dạy "hãy tự thấp đuốc lấy mà đi", trong tinh thần "bát chánh đạo", trong tinh thần khoan dung, không tranh luận thị phi, trong tinh thần thiện quán.

Tôi không là gì cả - Những điều suy tư của tôi cũng không là gì cả - Những dòng chữ tôi viết đây cũng không là gì cả. Và có ai xem qua những dòng chữ này cũng xin coi như không xem qua cái không là gì cả - và cũng đừng suy nghĩ gì cả cho khỏi cái không là gì cả.

Dallas, 16-9-1994

Nguyễn Phương HOÀNG TRỌNG CANG